

Thứ sáu, ngày 26 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Điều chỉnh nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 29/06/2020		•	
Tuần 29/6-3/7/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường mở cửa với sắc xanh kéo dài đến hết phiên sáng. Nhưng đà tăng suy yếu dần theo thời gian và bắt đầu điều chỉnh vào đầu phiên chiều. Dòng tiền đầu tư vẫn nằm ở mức yếu khi chỉ có 5/19 ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại duy trì xu hướng bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Thanh khoản suy giảm, biên độ nới rộng với độ rộng thị trường tiêu cực vẫn cho thấy tâm lý giao dịch thận trọng. VN-Index nhiều khả năng sẽ vận động trong vùng điểm 840-860 trong các phiên giao dịch tuần tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 26/06/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_0.8%**

Phân tích kỹ thuật: **DGC_Tăng giá (Trang 3)**

Điểm nhấn

- VN-Index **-2.61** điểm, đóng cửa **851.98** điểm. HNX-Index **-0.62** điểm, đóng cửa **113.45** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **SAB(+0.88); NVL (+0.80); TCB(+0.15);VHM(+0.09); MWG(+0.08)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.83); VCB (-0.42); VNM(-0.25); VRE (-0.20); GVR(-0.17)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,096** tỷ đồng, giảm **-20.4%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 11.93 điểm, nới rộng so với phiên liền trước. Thị trường có **124** mã tăng, **58** mã tham chiếu và **253** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-30.34** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VRE (-29.2 tỷ), CII (-25.8 tỷ) và VNM (-23.2 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-4.12** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvuq@bsc.com.vn

VN-INDEX 851.98Giá trị: 3096.35 tỷ **-2.61 (-0.31%)**

Khối ngoại (ròng): -28.28 tỷ

HNX-INDEX 113.45Giá trị: 623.32 tỷ **-0.62 (-0.54%)**

Khối ngoại (ròng): -4.12 tỷ

UPCOM-INDEX 56.41Giá trị: 0.23 tỷ **-0.22 (-0.39%)**

Khối ngoại (ròng): -12.71 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	39.0	0.83%
Giá vàng	1,766	0.11%
Tỷ giá USD/VND	23,211	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	26,029	-0.37%
Tỷ giá JPY/VND	21,712	0.33%
LS liên NH 1 tháng	0.5%	73.33%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-0.69%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	106.7	VRE	58.5
HPG	44.9	CII	20.4
GEX	19.8	VNM	18.4
VHM	18.8	HBC	17.9
KDC	17.9	CTG	12.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Câu chuyện cuối tuần	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
26/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_0.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	13/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.8%	0.5%	2.0%	36.8%	6.4%	6.4%	15.8%
Vật liệu Xây dựng	0.6%	-1.3%	2.4%	48.5%	0.6%	0.6%	20.7%
BDS & Khu công nghiệp	0.5%	-2.0%	5.0%	34.2%	-6.9%	-6.9%	17.8%
Ngành Dược	0.2%	0.2%	-1.1%	16.5%	-6.8%	-6.8%	18.1%
Nước & Năng lượng	0.1%	0.1%	1.2%	30.1%	-7.7%	-7.7%	16.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	-1.2%	-1.6%	29.1%	-14.8%	-14.8%	16.8%
VN Diamond	0.1%	-1.1%	-1.8%	31.4%	-13.5%	-13.5%	19.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.0%	-1.2%	-2.7%	37.3%	-12.3%	-12.3%	21.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.0%	-1.4%	0.1%	33.4%	-11.2%	-11.2%	19.5%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.0%	-4.2%	-2.1%	5.2%	5.2%	5.2%	26.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.1%	-0.7%	-0.9%	31.0%	-9.7%	-9.7%	18.0%
Ngân Hàng	-0.3%	-2.3%	0.2%	32.3%	-4.8%	-4.8%	23.2%
VN FinSelect	-0.3%	-2.4%	0.0%	33.6%	-6.6%	-6.6%	19.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.4%	-2.7%	-0.2%	34.3%	-7.1%	-7.1%	21.3%
FTSE Việt Nam	-0.4%	-1.7%	-1.1%	27.4%	-9.0%	-9.0%	17.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.5%	-1.8%	-2.1%	27.8%	-10.2%	-10.2%	16.1%
Stay-at-home	-0.5%	2.3%	6.5%	47.4%	6.9%	6.9%	17.8%
Chiến tranh thương mại	-0.6%	-3.1%	0.8%	43.2%	-9.3%	-9.3%	18.6%
Dầu khí	-0.8%	0.0%	5.1%	47.3%	-20.4%	-20.4%	25.2%
Hàng tiêu dùng	-0.9%	1.2%	3.7%	53.8%	-0.8%	-0.8%	19.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.1%	-1.1%	6.0%	44.3%	-2.1%	-2.1%	22.4%
Lãi suất giảm	-1.1%	-0.7%	7.0%	52.6%	0.7%	0.7%	19.5%
Corona Avengers	-1.3%	-1.9%	1.6%	49.8%	-1.3%	-1.3%	22.2%
Xây dựng	-1.4%	-1.2%	1.4%	40.4%	-3.7%	-3.7%	19.4%
Mục tiêu	8/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L11	0.4%	-0.1%	2.8%	33.0%	-7.8%	-7.8%	17.7%
L22	0.2%	-0.7%	1.0%	41.7%	-7.1%	-7.1%	19.9%
M22	0.0%	-0.9%	0.1%	37.9%	-3.1%	-3.1%	18.9%
M12	-0.1%	-1.0%	-1.2%	29.9%	-7.3%	-7.3%	19.9%
S11	-0.1%	-0.1%	3.3%	30.2%	-0.5%	-0.5%	18.8%
M31	-0.2%	-1.2%	0.2%	34.0%	-8.5%	-8.5%	21.2%
S21	-0.3%	-1.1%	-1.6%	35.2%	-8.5%	-8.5%	20.0%
S32	-0.3%	-1.2%	-0.7%	44.5%	-15.2%	-15.2%	22.5%
L32	-1.7%	-3.4%	1.8%	51.7%	-8.0%	-8.0%	21.1%
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.0%	-1.9%	-1.4%	37.6%	-1.9%	-1.9%	19.3%
MID1	-0.1%	0.5%	5.9%	43.7%	3.5%	3.5%	17.6%
LOW1	-0.3%	-0.7%	0.0%	28.1%	-5.5%	-5.5%	17.2%
INDEX							
VNINDEX	-0.3%	-1.9%	-1.4%	28.6%	-11.3%	-11.3%	17.0%
VN30INDEX	-0.1%	-1.6%	-1.3%	30.3%	-9.5%	-9.5%	17.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	13	11	18	6	19	5
Mục tiêu	9	8	1	8	1	8	1
Rủi ro	3	2	1	3	0	3	0

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

DGC_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: DGC vẫn đang ở trong quá trình tăng giá từ đầu tháng 4 đến nay dù cho đã có sự điều chỉnh ngắn hạn trong thời gian gần đây. Thanh khoản cổ phiếu vẫn duy trì giá trị khá tốt và ổn định. Phiên hôm nay, sự hưng phấn đã đẩy giá DGC tăng 3.13% tương đối ấn tượng, qua đó đưa cổ phiếu dần tiếp cận trở lại vùng giá 40. Các chỉ báo xu hướng hiện vẫn chưa có được sự đồng nhất trong trạng thái. Chỉ báo động lượng RSI vẫn đang ở trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể giữ được sự tích cực trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của DGC nằm tại khu vực 37-38. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại ngưỡng 42, cắt lỗ nếu vùng giá xung quanh 33 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 26/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	39.22	1.29%	-1.50%	18.00%	-30.72%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	41.58	1.29%	-1.40%	17.30%	-32.62%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	121.08	1.39%	-4.80%	19.00%	-32.81%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1761.68	-0.12%	1.00%	3.10%	24.15%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.75	-0.27%	0.70%	2.90%	16.49%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	869.25	0.12%	-1.30%	1.60%	-7.65%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	487.50	-0.15%	0.50%	-4.00%	-13.83%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.94	0.10%	-0.20%	16.80%	24.13%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	145.90	-0.64%	n/a	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.92	0.68%	-1.00%	7.40%	-12.35%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	95.80	-2.04%	-1.00%	-10.20%	-19.46%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5893.00	0.48%	1.50%	9.90%	-1.60%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	510.72	-0.25%	0.70%	3.80%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1570.00	-0.38%	-2.30%	3.30%	-12.29%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	108.08	0.97%	-0.90%	7.10%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	52.10	-1.04%	-0.80%	-8.30%	-35.48%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 74 US cent (1.7%) lên 41.05 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 71 US cent (1.9%) lên 38.72 USD/thùng.
- Thị trường dầu mỏ vừa trải qua một phiên giao dịch đầy biến động khi xuất hiện một số dấu hiệu cho thấy nền kinh tế Mỹ đang dần cải thiện và nhu cầu nhiên liệu hồi phục, song đã tăng nhiên liệu bị hạn chế bởi số ca nhiễm virus SARS-CoV-2 tăng trở lại ở một số tiểu bang của Mỹ.
- Số người Mỹ nộp đơn xin trợ cấp thất nghiệp trong tuần qua giảm, và đơn đặt hàng trong tháng 5/2020 cũng tăng lên

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA duy trì tại 1,762.11 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York giảm nhẹ 0.3% xuống 1,770.60 USD/ounce.
- Giá vàng trong phiên vừa qua ít biến động do nhà đầu tư giữ thái độ chờ đợi xem tình hình lây nhiễm virus corona sẽ như thế nào. xu hướng tăng giá vàng bị cản trở bởi nhà đầu tư đang tìm tới đồng bạc xanh. Chỉ số dollar index đã tăng 0.2% trong phiên vừa qua.

Giá cao su

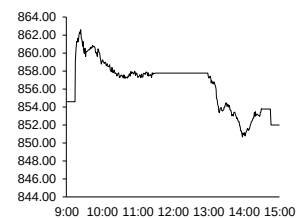
- Giá cao su kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn TOCOM đạt mức 157.4 JPY (1.47 USD)/kg, giảm 0.1 JPY so với phiên trước đó. Cao su kỳ hạn giao sau 1 tháng trên sàn Singapore (SICOM), kỳ hạn giao tháng 7, giảm nhẹ 0.4% xuống 113.6 U.S. cent/kg.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn ICE tăng 0.06 US cent (0.5%) lên 11.81 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 giảm 0.1 USD xuống 356,6 USD/tấn.
- Sản lượng đường của Ấn Độ trong năm 2020/21 có thể tăng 12% so với năm trước, lên 30.5 triệu tấn (năm trước đạt 27.2 triệu tấn). Do đó, xuất khẩu đường dự báo cũng sẽ tăng lên, có thể gây áp lực lên giá đường thế giới – vốn đã chịu sức ép vì sản lượng của Brazil tăng.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 giảm 2 US cent (2%) xuống 95,8 US cent/lb do các yếu tố cơ bản cho thấy nhu cầu yếu và sản lượng có thể đạt cao – sẽ tiếp tục gây áp lực lên giá. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9 giảm 22 US (1.9%) xuống 1,154 USD/tấn.
- Gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ hiện giá 373 – 378 USD/tấn, tăng so với 366 – 372 USD/tấn của tuần trước. Trong khi đó, gạo 5% tấm của Thái Lan giá hiện ở mức 514-520 USD/tấn, so với 505-525 USD/tấn cách đây một tuần; còn gạo cùng loại của Việt Nam giá giảm xuống 405 – 450 USD/tấn, từ mức 450 USD/tấn cách đây một tuần

Hình 1

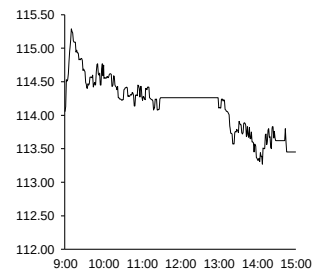
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

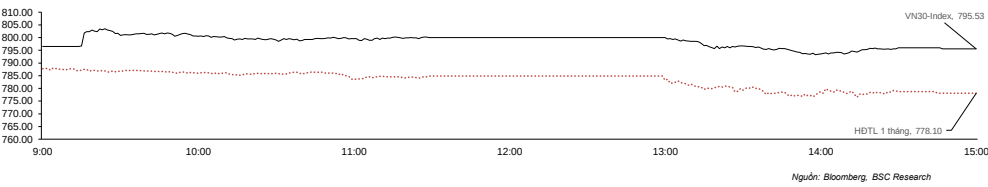
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-6.82%
Dịch vụ tài chính	-1.26%
Hóa chất	-1.06%
Ô tô và phụ tùng	-0.68%
Truyền thông	-0.64%
Bảo hiểm	-0.63%
Bất động sản	-0.56%
Ngân hàng	-0.36%
Du lịch và Giải trí	-0.35%
Tài nguyên Cơ bản	-0.33%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.27%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.26%
Xây dựng và Vật liệu	-0.25%
Dầu khí	-0.12%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.11%
Y tế	0.20%
Thực phẩm và đồ uống	0.25%
Công nghệ Thông tin	0.37%
Bán lẻ	0.54%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2007	778.10	-0.37%	-17.43	-17.4%	142.205	7/16/2020	20
VN30F2008	769.10	-0.25%	-26.43	5.8%	604	8/20/2020	55
VN30F2009	762.50	-0.57%	-33.03	-22.9%	74	9/17/2020	83
VN30F2012	762.10	-0.34%	-33.43	-80.9%	72	12/17/2020	174

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm nhẹ -0.98 điểm, duy trì tại 795.53 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như NVL, SAB, VIC, và VNM tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 tăng mạnh đầu phiên lên trên 800 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch điều chỉnh xuống quanh tham chiếu. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy quanh 790-800 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2007 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2008 và VN30F2009 đang giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG2005	VND	10/1/2020	97	1:1	39,750	-79.5%	2.0 triệu	36.47%	2,100	8,150	4.35%	8,477	0.96
CSTB2003	KIS	9/16/2020	82	1:1	886,680	35.7%	3.0 triệu	41.13%	1,360	1,690	4.32%	1,028	1.64
CVPB2005	MBS	8/18/2020	53	2:1	151,680	-72.9%	2.0 triệu	43.79%	1,510	1,660	-2.92%	1,537	1.08
CHPG2007	KIS	7/16/2020	20	1:1	25,280	-84.7%	2.5 triệu	36.47%	1,660	4,430	-3.90%	4,279	1.04
CHPG2002	KIS	12/16/2020	173	2:1	229,820	-35.2%	3.0 triệu	36.47%	1,700	1,680	-1.75%	942	1.78
CHPG2009	HSC	10/29/2020	125	2:1	43,190	-70.8%	5.0 triệu	36.47%	1,600	3,150	-0.32%	2,764	1.14
CVNM2003	MBS	9/4/2020	70	10:1	273,780	52.7%	3.0 triệu	31.28%	1,450	2,530	-0.78%	2,309	1.10
CTCB2004	MBS	8/18/2020	53	2:1	216,110	0.8%	2.0 triệu	36.26%	1,050	1,900	-1.04%	1,786	1.06
CVNM2004	SSI	11/30/2020	157	1:1	20,600	-14.2%	2.0 triệu	31.28%	17,500	15,550	-3.72%	9,601	1.62
CMSN2004	MBS	9/4/2020	70	5:1	94,600	-61.6%	1.5 triệu	34.15%	1,980	1,260	-1.56%	868	1.45
CCTD2001	KIS	12/16/2020	173	10:1	63,940	-65.1%	1.0 triệu	53.54%	1,540	1,470	-4.55%	561	2.62
CFPT2004	SSI	8/10/2020	45	1:1	24,230	-32.9%	2.0 triệu	32.17%	5,100	6,630	-2.64%	1,037	6.39
CMWG2007	SSI	11/30/2020	157	1:1	22,310	9.8%	2.0 triệu	39.61%	12,900	10,610	-1.30%	8,245	1.29
CVHM2003	HSC	10/29/2020	125	10:1	30,140	-79.7%	5.0 triệu	36.85%	1,000	1,310	-2.24%	1,014	1.29
CFPT2003	SSI	11/9/2020	136	1:1	44,600	139.8%	2.0 triệu	32.17%	7,300	9,520	-1.45%	2,725	3.49
CDPM2002	KIS	12/16/2020	173	1:1	98,150	72.4%	2.0 triệu	41.01%	1,700	2,700	-9.09%	1,612	1.67
CVRE2003	KIS	12/16/2020	173	2:1	577,030	242.1%	3.0 triệu	43.21%	3,000	900	-21.74%	272	3.30
CHDB2003	KIS	12/16/2020	173	2:1	318,370	149.0%	2.0 triệu	39.21%	2,700	1,140	-8.80%	460	2.48
CMBB2006	HSC	10/29/2020	125	2:1	1,830	-98.4%	5.0 triệu	34.33%	1,100	1,290	1.57%	987	1.31
CVHM2002	SSI	11/30/2020	157	1:1	23,900	60.6%	1.5 triệu	36.85%	11,500	10,290	2.18%	7,343	1.40
Tổng:					3,146,240		49.50 triệu	37.64%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 26/06/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

• Về giá, CSTB2005 tăng mạnh 18.64%. Trái lại, CVIC2002 và CVHM2004 giảm mạnh lần lượt là -37.65% và -31.03%. Giá trị giao dịch giảm -7.23%. CSTB2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.81% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh

vinhtr@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
NVL	62.40	4.87	1.29
TCB	20.35	0.74	0.45
SAB	164.80	3.00	0.44
MWG	84.20	0.72	0.23
VHM	75.60	0.13	0.05

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	91.5	-2.03	-1.20
VNM	115.9	-0.43	-0.37
STB	11.3	-1.31	-0.36
HDB	25.4	-1.36	-0.31
HPG	27.2	-0.37	-0.22

Source: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2005	21,100	19,000	27,200
CSTB2003	12,471	11,111	11,300
CVPB2005	22,520	19,500	22,000
CHPG2007	24,659	22,999	27,200
CHPG2002	33,399	29,999	27,200
CHPG2009	25,700	22,500	27,200
CVNM2003	108,500	94,000	115,900
CTCB2004	19,100	17,000	20,350
CVNM2004	135,500	118,000	115,900
CMSN2004	64,900	55,000	56,400
CCTD2001	96,288	80,888	66,800
CFPT2004	55,100	50,000	46,850
CMWG2007	99,900	87,000	84,200
CVHM2003	80,000	70,000	75,600
CFPT2003	57,300	50,000	46,850
CDPM2002	16,952	15,252	14,800
CVRE2003	43,999	37,999	26,200
CHDB2003	37,523	32,123	25,350
CMBB2006	18,700	16,500	17,350
CVHM2002	88,500	77,000	75,600

Source: Bloomberg, BSC Research

Khi tình yêu gặp toán học

Nguồn: Sưu tầm

Ở trạm xe buýt, một đôi trai gái giờ trò tán tỉnh nhau.

Chàng trai:

– Cưng à, anh yêu em!

Cô gái thẹn thùng:

– Em cũng yêu anh, mà tình yêu của em gấp đôi tình yêu của anh luôn cơ.

Chàng trai khoái trí:

– Vậy cơ à? Vậy anh yêu em gấp ba lần em yêu anh luôn nè!

Một thanh niên mang kính ngời kể bên bữu môi:

– Đặt tình yêu của nam và nữ lần lượt là x , y . Ta có phương trình: $y = 2x$; $x = 3y$. Suy ra: $x = y = 0$. Tức là chả có tình yêu nào ở đây cả!

– !!!

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	84.2	0.7%	1.2	1,658	1.6	8,808	9.6	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	59.6	0.0%	1.3	583	0.7	5,248	11.4	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	47.5	-1.0%	1.3	1,533	0.6	1,307	36.4	1.8	28.3%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.1	-0.3%	0.4	293	0.1	2,056	14.6	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	91.5	-2.0%	0.8	13,456	0.9	2,095	43.7	3.8	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	26.2	-1.1%	1.1	2,588	2.1	1,226	21.4	2.2	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	62.4	4.9%	0.8	2,630	2.1	3,584	17.4	2.7	6.0%	16.3%
REE	Bất động sản	31.2	0.3%	0.8	421	0.1	4,976	6.3	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	12.0	-1.2%	1.3	271	1.4	2,289	5.2	0.9	40.8%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.5	-1.9%	1.3	405	3.4	1,415	11.0	0.9	50.3%	7.8%
VCI	Chứng khoán	22.5	-1.8%	1.0	160	0.8	4,240	5.3	0.9	28.0%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.2	-2.0%	1.8	254	2.1	1,480	12.9	1.3	52.4%	12.0%
FPT	Công nghệ	46.9	0.1%	0.8	1,597	1.2	4,804	9.8	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	55.6	-1.2%	0.4	601	0.1	4,812	11.6	2.9	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.2	-0.3%	1.5	6,008	1.0	5,820	12.4	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	45.8	-0.1%	1.5	2,371	3.6	869	52.7	2.9	13.6%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.4	0.0%	1.6	258	1.2	1,238	10.0	0.5	11.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.2	0.0%	0.8	971	0.7	898	8.0	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	91.1	0.7%	0.5	518	0.0	5,046	18.1	3.4	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.8	-3.0%	0.5	252	1.7	1,006	14.7	0.7	11.4%	5.4%
DCM	Hóa chất	9.3	-2.6%	0.4	213	0.7	415	22.3	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	83.3	-0.5%	1.2	13,433	1.3	4,848	17.2	3.6	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	39.9	-0.3%	1.4	6,977	1.3	2,140	18.6	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	22.6	-0.7%	1.2	3,651	2.3	2,510	9.0	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.0	0.0%	1.2	2,332	1.4	3,750	5.9	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.4	0.0%	1.1	1,819	1.5	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	23.6	-0.4%	1.0	1,706	1.4	3,780	6.2	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	54.5	0.9%	0.9	194	0.2	5,303	10.3	1.7	81.2%	17.0%
NTP	Nhựa	34.0	4.3%	0.4	174	0.0	4,208	8.1	1.3	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	16.0	-1.8%	0.4	688	0.0	356	44.9	1.3	1.9%	2.9%
HPG	Thép	27.2	-0.4%	1.1	3,265	11.1	2,764	9.8	1.5	35.9%	17.4%
HSG	Thép	12.3	-0.4%	1.5	237	4.5	1,493	8.2	0.9	12.6%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	115.9	-0.4%	0.7	8,775	2.5	5,453	21.3	6.7	58.8%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	164.8	3.0%	0.8	4,595	0.6	6,719	24.5	6.1	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	56.4	-0.5%	1.0	2,866	1.4	3,961	14.2	1.6	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.6	-0.3%	0.8	371	1.4	171	85.2	1.2	5.7%	1.5%
ACV	Vận tải	61.0	-2.1%	0.8	5,774	0.9	3,450	17.7	3.6	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	108.5	0.0%	1.1	2,471	1.2	7,110	15.3	3.8	18.2%	26.3%
HVN	Vận tải	26.3	-1.5%	1.7	1,622	0.8	1,654	15.9	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.6	-0.8%	0.9	253	0.2	1,583	12.4	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.8	-0.9%	1.1	132	0.4	2,117	5.1	0.7	25.4%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.6	-0.5%	0.9	422	0.2	9,201	6.8	2.9	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.9	0.3%	0.8	368	0.2	1,453	13.0	1.3	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.7	0.7%	1.0	227	0.0	1,938	7.1	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	66.8	-1.2%	1.1	222	1.7	8,032	8.3	0.6	46.3%	7.3%
VCG	Xây dựng	28.1	0.0%	0.4	540	0.5	1,498	18.8	1.8	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	18.8	0.5%	0.3	195	1.9	1,775	10.6	0.9	39.6%	8.5%
POW	Điện	10.2	-0.5%	0.6	1,039	1.0	1,028	9.9	0.9	11.5%	9.4%
NT2	Điện	21.9	1.2%	0.5	274	0.3	2,543	8.6	1.5	18.0%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	164.80	3.00	0.88	78810.00
NVL	62.40	4.87	0.80	799730.00
TCB	20.35	0.74	0.15	668030.00
VHM	75.60	0.13	0.10	753970.00
MWG	84.20	0.72	0.08	449460.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.83	222240.00	1.11MLN
VCB	0.00	-0.42	355930.00	607060.00
VNM	0.00	-0.25	495750.00	373600.00
VRE	0.00	-0.20	1.87MLN	192700.00
GVR	0.00	-0.17	1.46MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	10.20	6.92	0.01	480.00
SVT	20.90	6.91	0.00	830.00
VAF	8.52	6.90	0.01	10.00
PSH	21.90	6.83	0.05	53780.00
HTL	12.90	6.61	0.00	1600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CLW	23.25	-7.00	-0.01	10.00
HAI	3.47	-6.97	-0.01	7.92MLN
CIG	2.27	-6.97	0.00	16210.00
PXI	2.68	-6.94	0.00	19050.00
VPG	16.10	-6.94	-0.01	8160.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGC	39.60	3.13	0.09	498900.00
OCH	8.80	10.00	0.07	100.00
NTP	34.00	4.29	0.06	17800.00
SJE	20.70	9.52	0.03	100.00
DHT	46.20	2.90	0.02	12200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

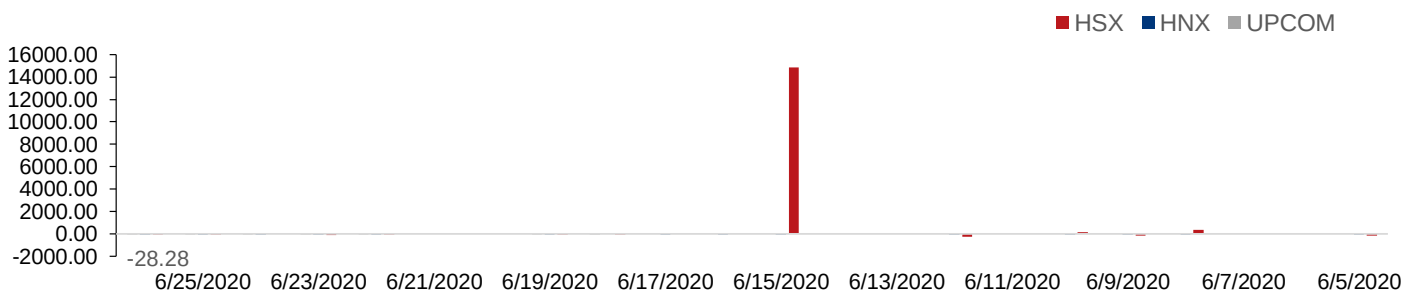
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	14.00	-2.10	-0.39	1.66MLN
ACB	23.60	-0.42	-0.16	1.40MLN
NVB	8.60	-2.27	-0.08	2.28MLN
SHS	12.80	-3.03	-0.06	2.46MLN
CEO	8.10	-4.71	-0.06	1.08MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	1.10	10.0	0.00	501300.00
LUT	2.20	10.0	0.00	5000.00
OCH	8.80	10.0	0.07	100.00
SJC	1.10	10.0	0.00	200.00
MCC	13.30	9.9	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTW	30.10	-13.01	-0.01	200.00
VIG	0.80	-11.11	0.00	116100.00
X20	6.30	-10.00	0.00	100.00
HCT	9.40	-9.62	0.00	400.00
PPP	15.30	-9.47	0.00	200.00



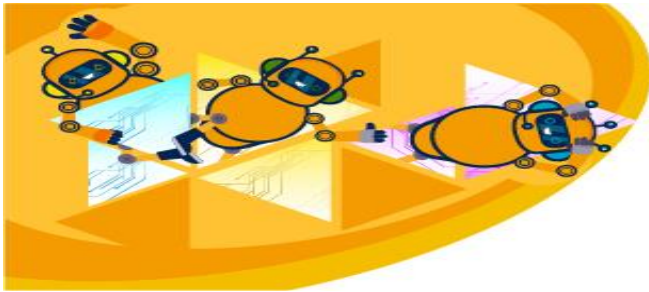
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	56.4	3,961	14.2	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	39.6	4,717	8.4	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	12.3	1,493	8.2	0.9	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	43.5	5,479	7.9	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	19.7	1,140	17.2	1.6	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.2	2,764	9.8	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.4	2,987	6.8	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	59.6	5,248	11.4	2.7	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	135.8	5,718	23.7	8.4	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	12.0	2,289	5.2	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.2	1,496	10.2	0.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.7	7,637	2.7	0.9	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	22.2	5,311	4.2	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	38.2	4,465	8.6	1.7	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	83.3	4,848	17.2	3.6	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.6	3,780	6.2	1.3	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	36.8	6,553	5.6	1.3	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	51.0	3,887	13.1	2.6	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	46.9	4,804	9.8	2.2	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.6	1,583	12.4	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hòa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương
VEA 2020Q2	27/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (~19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giá định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019).
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lò cao, thị phần đạt 70%. 6 lò cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: pháp phù, 5: chạy full, 6: còn đang lắp
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300 Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn.
VTP 2020Q2	19/5/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000 Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn